

Số: 02/2026/QĐST-DS

Cao Bằng, ngày 19 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2026;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng H

Địa chỉ: Số nhà B, ngách D, ngõ G đường C, phường C, quận B, thành phố Hà Nội (Nay là SN 24, ngách D, ngõ G, đường C, phường Đ, TP Hà Nội).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Quốc T

Địa chỉ: Số nhà A, phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Nay là Số nhà A A, phố P, phường P, tỉnh Thái Nguyên).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phùng Thị U
- Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Bà Nông Thị T1

Địa chỉ: xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Nay là xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị T2 và Luật sư Phạm Bích N

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Nguyễn Thị T2; Số nhà C, tổ A phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Nay là số nhà C, tổ A, phường N, tỉnh Cao Bằng)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Quốc T3

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà Hoàng Thị Lê M

- Ông Lê Phi L

Cùng địa chỉ: Tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên)

- Bà Lê Quỳnh H1

Địa chỉ: A đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là Số nhà F, ngõ A, đường G, Thành phố Hà Nội)

2. Bà Lê Thị Hồng D

Địa chỉ: Số nhà D, ngõ D, tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (N là tổ H, phường T, tỉnh Cao Bằng).

3. Ông Lê Quốc K

Địa chỉ: Số E, phố B, Tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (N là tổ H, phường T, tỉnh Cao Bằng)

4. Bà Lê Thị Minh H2

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Ông Bé Xuân T4

- Ông Bé Hoài C

Cùng địa chỉ: Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Nay là tổ dân phố B, phường N, tỉnh Cao Bằng)

5. Ông Lê Quốc H3

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Ông Lê Quốc T5

- Ông Lê Chí H4

Cùng địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Nay là xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng).

- Bà Lê Mai P

Địa chỉ: Xóm A, B, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Nay là xóm A B, xã H, tỉnh Cao Bằng).

6. Bà Lê Thị Thanh N1

Địa chỉ: phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Nay là Số nhà A, tổ A, phường Q, tỉnh Thái Nguyên).

7. Ông Lê Quốc T

Địa chỉ: Số nhà A, phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Nay là Số nhà A A, phố P, phường P, tỉnh Thái Nguyên).

8. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đàm Thế T6 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H; Địa chỉ: Xã H, tỉnh Cao Bằng.

9. Ông Đàm Văn C1; Địa chỉ: Thua K, xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng.

10. Bà Vy Thu H5, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Cao Bằng.

11. Bà Hoàng Thị V; Địa chỉ: Xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng.

12. Bà Nông Thị T7, sinh năm 1954; Địa chỉ: Xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng.

13. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: Xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng.

14. Bà Đàm Thị L1, Ông Đàm Quốc H6; Cùng địa chỉ: Xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng.

15. Bà Lý Đặng Kim D1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng.

16. Bà Trương Thị H7; Địa chỉ: Xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng.

17. Ông Đàm Văn H8; Địa chỉ: Phố B, xã H, tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Lê Quốc T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 315a tờ bản đồ số 16, diện tích 142m², mục đích sử dụng đất ao thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00158 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 12/12/2000 cho bà Nông Thị T1.

2.2 Phía nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng:

Thửa đất số 334, diện tích 4859,2m², mục đích sử dụng DRM;

Thửa đất số 338, diện tích 1112,4m², trong đó có 200m² đất ở (ONT) và 912,4m² mục đích sử dụng đất DRM.

(Có sơ đồ trích đo thửa đất và toạ độ định thửa, kích thước cạnh kèm theo)

2.3 Phía bị đơn được quyền quản lý, sử dụng:

Thửa đất số 334-1, diện tích 2171,6m², mục đích sử dụng DRM;

Thửa đất 338-1 (diện tích 476,3m²) và thửa 338-2 (diện tích là 950,2m²) có tổng diện tích là 1.426,5m², trong đó có 200m² đất ở (ONT) và 1.226,5m² mục đích sử dụng đất DRM.

Thửa đất số 336, diện tích 994,9m², mục đích sử dụng đất trồng lúa (LUC)

Thửa đất số 337, diện tích 1250,1m², mục đích sử dụng đất trồng lúa (LUC)

Bờ giữa hai thửa đất 336 và 337 có diện tích 80,7m²

Mương xây nằm trong thửa đất 338-1 và 338-2 có diện tích 58,9m²

(Có sơ đồ trích đo thửa đất và toạ độ định thửa, kích thước cạnh kèm theo)

2.3 Về con đường dùng chung là các điểm toạ độ của thửa 334-1 gồm các điểm sau: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10; các điểm toạ độ của thửa 337 là các điểm 35, 36, 37, 38, 39; các điểm toạ độ của thửa 336 là các điểm 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27.

(Có sơ đồ trích đo thửa đất và toạ độ định thửa, kích thước cạnh kèm theo)

2.4 Phía bị đơn có trách nhiệm tháo dỡ công trình, thu hoạch cây trồng trên thửa đất 334 và 338 để giao đất cho phía nguyên đơn.

2.5 Huỷ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00158 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 12/12/2000 cho bà Nông Thị T1.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích và mục đích đất đã thoả thuận phân chia.

2.6 Về chi phí tố tụng: Phía nguyên đơn và phía bị đơn thống nhất thoả thuận mỗi bên chịu 50% chi phí tố tụng.

Chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ là: 19.805.811 đồng (bên nguyên đơn đã nộp đủ số tiền cho Trung tâm điều tra, đo đạc, quy hoạch tài nguyên nông lâm nghiệp - Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh C)

Chi phí Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ là: 1.600.000 đồng (Bên nguyên đơn đã nộp)

Chi phí Hội đồng định giá tài sản là: 1.000.000 đồng (Bên nguyên đơn đã nộp)

Chi phí đo đạc để chia ranh giới đất theo thoả thuận là: 6.034.000 đồng (Mỗi bên đã nộp 3.017.000 đồng)

Tổng chi phí là: 28.439.811 đồng; Mỗi bên phải nộp số tiền là: 14.219.906 đồng.

Bên bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 11.202.906 đồng chi phí cho bên nguyên đơn.

2.6 Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị Hồng H được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí toà án theo biên lai thu số 0000030 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (nay là phòng Thi hành án Khu vực 1 – Cao Bằng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Tô Thị Thuỳ Ngân